

# Tác động của phát âm và ngữ điệu đến hiệu quả thuyết trình: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Thái Bình Dương, Việt Nam

Hồ Thị Thùy Vân

Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Thái Bình Dương, Nha Trang - Khánh Hòa

Email liên hệ: van.htt@tbd.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này khảo sát tác động của phát âm và sử dụng ngữ điệu đến hiệu quả thuyết trình học thuật của 120 sinh viên Trường Đại học Thái Bình Dương (Việt Nam). Sử dụng phương pháp định lượng với bảng hỏi Likert 5 mức độ, dữ liệu được phân tích thông qua hệ số Cronbach's Alpha, hệ số tương quan Pearson và biểu đồ hồi quy tuyến tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của phát âm và sử dụng ngữ điệu trong việc tăng cường sự tự tin và khả năng biểu đạt khi thuyết trình. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nhu cầu được đào tạo bài bản về phát âm và sử dụng ngữ điệu trong thuyết trình học thuật của sinh viên cũng được thể hiện rõ rệt. Những phát hiện này gợi ý rằng cần tích hợp nội dung đào tạo phát âm và sử dụng ngữ điệu vào chương trình đào tạo đại học nhằm nâng cao năng lực trao đổi học thuật của sinh viên.

**Từ khóa:** phát âm, sử dụng ngữ điệu, thuyết trình học thuật, giáo dục đại học

## The Impact of Pronunciation and Intonation on Presentation Effectiveness: A Case Study at Pacific University, Vietnam

**Abstract:** This study investigates the impact of pronunciation and intonation on academic presentation effectiveness among 120 students at Pacific University in Vietnam. Using a quantitative approach with a 5-point Likert-scale questionnaire, data were analyzed through Cronbach's Alpha, Pearson correlation, and linear regression. Results indicate that students recognize the importance of pronunciation and intonation in enhancing presentation confidence and expressive ability. A strong demand for formal voice training was also observed. The findings suggest integrating phonetic and prosodic training into university curricula to improve students' academic communication skills.

**Keywords:** pronunciation, use of intonation, academic presentation, higher education

**Ngày nhận bài:** 09/7/2025; **Ngày phản biện:** 20/7/2025; **Ngày duyệt đăng:** 14/9/2025

### 1. Đặt vấn đề

Trong môi trường giáo dục đại học hiện đại, kỹ năng thuyết trình học thuật không chỉ đòi hỏi nội dung được trình bày một cách logic mà còn yêu cầu diễn đạt ngôn ngữ nói rõ ràng, truyền cảm. Phát âm chuẩn và sử dụng ngữ điệu linh hoạt là hai yếu tố then chốt trong việc đảm bảo hiệu quả giao tiếp học thuật, nhất là trong việc sử dụng tiếng Việt - ngôn ngữ đơn lập, có 6 thanh điệu - khi phát âm sai có thể gây hiểu nhầm nghiêm trọng (Nguyễn Đăng Liêm, 1970, tr. 22).

Mặc dù nhận thức về vai trò của phát âm và sử dụng ngữ điệu linh hoạt trong giao tiếp học thuật đang ngày càng được nâng cao nhưng việc đưa các kỹ năng phát âm và ngữ điệu vào chương trình giảng dạy kỹ năng mềm tại các trường đại học Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào mô tả hệ thống ngữ âm hoặc giảng dạy tiếng Việt như ngoại ngữ, trong khi việc khảo sát tác động thực nghiệm của hai yếu tố này trong thuyết trình học thuật tiếng Việt đối với người bản ngữ vẫn còn chưa được chú ý (Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2010, tr. 6).

Trên thực tế, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu nền tảng về phát âm và ngữ điệu tiếng Việt như nghiên cứu của Nguyễn Đăng Liêm (1970, tr. 22), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2010, tr. 7) hay Phạm Thị Thu Hà (2018, tr. 96-97), nhưng các công trình này chủ yếu mang tính mô tả lý thuyết hoặc phục vụ cho việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Khoảng trống nghiên cứu nằm ở chỗ: Chưa có công trình nào sử dụng phương pháp định lượng để phân tích dữ liệu khảo

sát từ người học bản ngữ nhằm làm rõ mối quan hệ giữa phát âm, ngữ điệu và hiệu quả thuyết trình (Phạm Thị Thu Hà, 2018, tr. 100). Điều này dẫn đến thực trạng thiếu cơ sở thực chứng để xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu trong thuyết trình học thuật bằng tiếng Việt trong môi trường giáo dục đại học hiện nay.

Do đó, nghiên cứu này thực hiện nhằm lấp đầy khoảng trống đó bằng cách kiểm định mối quan hệ giữa việc phát âm, sử dụng ngữ điệu và hiệu quả thuyết trình qua phân tích dữ liệu khảo sát từ 120 sinh viên đại học (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Nghiên cứu kỳ vọng góp phần đề xuất các mô hình đào tạo kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu trong thuyết trình học thuật phù hợp với nhu cầu thực tiễn của giáo dục đại học hiện nay.

## **2. Cơ sở lý luận**

Trong giao tiếp học thuật, kỹ năng sử dụng giọng nói hiệu quả - bao gồm phát âm chính xác và sử dụng ngữ điệu linh hoạt - đóng vai trò then chốt trong việc truyền đạt thông tin rõ ràng, thuyết phục và duy trì sự chú ý của người nghe. Tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập, với hệ thống gồm sáu thanh điệu, nơi mỗi âm tiết có thể mang nhiều giá trị ngữ nghĩa. Điều này khiến phát âm sai hoặc sử dụng ngữ điệu không phù hợp dễ dẫn đến hiểu lầm nghiêm trọng (Nguyễn Đăng Liêm, 1970, tr. 22).

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, “phát âm chuẩn” được hiểu là khả năng vận dụng chính xác và thành thạo hệ thống âm vị của tiếng Việt, bao gồm các nguyên âm, phụ âm, tổ hợp âm và sáu thanh điệu cơ bản, nhằm đảm bảo việc truyền đạt rõ ràng, đúng nghĩa và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp học thuật. Cách hiểu này được xây dựng dựa trên hệ thống mô tả âm vị học của tiếng Việt do Nguyễn Đăng Liêm (1970, tr. 25) đề xuất trong công trình Vietnamese Pronunciation, trong đó ông nhấn mạnh vai trò cốt lõi của việc làm chủ hệ thống âm thanh (mastery of the sound system) đối với người học tiếng Việt. Theo ông, phát âm không đơn thuần là tái tạo âm thanh, mà còn là quá trình kiểm soát đồng thời các yếu tố ngữ âm, trọng âm và ngữ điệu, để đảm bảo tính chính xác, dễ hiểu và tự nhiên trong giao tiếp (Nguyễn Đăng Liêm, 1970, tr. 30).

Phát âm chuẩn vì vậy được xem là yếu tố nền tảng giúp người nói thể hiện sự tự tin và nâng cao khả năng tương tác trong môi trường học thuật. Carnegie (2003, tr. 15) nhấn mạnh rằng “giọng nói rõ ràng không chỉ làm rõ nội dung mà còn tạo ấn tượng chuyên nghiệp, từ đó nâng cao khả năng thuyết phục người nghe”. Tuy nhiên, tại Việt Nam, phần lớn các nghiên cứu về phát âm tập trung vào dạy tiếng Việt như ngoại ngữ hoặc mô tả hệ thống ngữ âm học, chưa khai thác mối liên hệ giữa phát âm và kỹ năng thuyết trình học thuật ở sinh viên bản ngữ.

Về ngữ điệu, Hirst và Di Cristo (1998, p. 5) nhận định rằng “intonation is not only a discourse-guiding tool but also a reflection of attitude, emotion, and logical structure.” Trong tiếng Việt, ngữ điệu thường kết hợp chặt chẽ với thanh điệu, đòi hỏi khả năng điều tiết tinh tế để đảm bảo hiệu quả truyền đạt. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2010, tr. 6) chỉ ra rằng ngữ điệu có vai trò đặc biệt trong việc đánh dấu tiêu điểm thông tin, điều tiết luồng diễn ngôn và thể hiện cảm xúc trong thuyết trình. Phạm Thị Thu Hà (2018, tr. 97-98) phân tích ba tham số chính của ngữ điệu tiếng Việt và khẳng định rằng ngữ điệu linh hoạt giúp tăng cường khả năng biểu đạt và duy trì sự chú ý của người nghe.

Tuy nhiên, mặc dù các nghiên cứu trên đã cung cấp cơ sở lý luận vững chắc về chức năng của phát âm và sử dụng ngữ điệu, hầu hết đều dừng lại ở phạm vi mô tả hoặc ứng dụng trong giảng dạy tiếng Việt như ngoại ngữ. Việc kiểm định thực nghiệm mối quan hệ giữa hai yếu tố này với hiệu quả thuyết trình học thuật trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn hạn chế. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết này mong muốn lấp đầy, bằng cách áp dụng phương pháp định lượng để kiểm chứng mối liên hệ giữa nhận thức - hành vi - hiệu quả truyền đạt, đồng thời đề xuất mô hình đào tạo kỹ năng giọng nói học thuật phù hợp với nhu cầu thực tiễn của sinh viên.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

### **3.1. Thiết kế nghiên cứu**

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng nhằm kiểm định mối quan hệ giữa phát âm, sử dụng ngữ điệu và hiệu quả thuyết trình học thuật của sinh viên đại học. Phương pháp được triển khai thông qua bảng hỏi có cấu trúc, thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 -

Hoàn toàn không đồng ý đến 5 - Hoàn toàn đồng ý). Bảng hỏi gồm 12 biến quan sát, chia thành 3 nhóm nội dung: phát âm, sử dụng ngữ điệu và hiệu quả thuyết trình học thuật.

Việc sử dụng phương pháp định lượng với bảng hỏi cho phép thu thập dữ liệu khách quan, có thể xử lý bằng các kỹ thuật thống kê nhằm đánh giá mức độ liên hệ giữa các nhóm biến. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, đồng thời đảm bảo độ tin cậy và tính khái quát hóa của kết quả (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

### **3.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng khảo sát là sinh viên hệ chính quy từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại Trường Đại học Thái Bình Dương, thuộc các nhóm ngành: Truyền thông, Kinh tế quản trị, Công nghệ thông tin và Ngôn ngữ (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Tiêu chí chọn mẫu: 1) Sinh viên đã từng thực hiện ít nhất một bài thuyết trình học thuật bằng tiếng Việt trong quá trình học; 2) Tự nguyện tham gia khảo sát và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu trong bảng hỏi.

Cỡ mẫu gồm 120 sinh viên, được chọn ngẫu nhiên theo hình thức mời tham gia khảo sát trực tuyến thông qua Google Forms trong tháng 3 năm 2025 (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

### **3.3. Công cụ thu thập dữ liệu**

Bảng hỏi khảo sát được xây dựng và triển khai trực tuyến qua Google Forms. Nội dung bảng hỏi được chia thành ba nhóm biến chính:

Nhóm A - Phát âm (PA): gồm 4 biến quan sát - PA1, PA2, PA3, PA4;

Nhóm B - Ngữ điệu (ND): gồm 4 biến quan sát - ND1, ND2, ND3, ND4;

Nhóm C - Hiệu quả thuyết trình (HQ): gồm 4 biến quan sát - HQ1, HQ2, HQ3, HQ4.

Tất cả các biến được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý). Bảng hỏi được kiểm định sơ bộ bởi giảng viên chuyên ngành nhằm đảm bảo nội dung rõ ràng và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

### **3.4. Quy trình và công cụ xử lý dữ liệu**

Quy trình xử lý dữ liệu được thực hiện theo ba bước:

Bước 1: Kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha cho từng nhóm biến (PA, ND, HQ). Các biến có hệ số tương quan biến - tổng dưới 0.3 hoặc làm giảm hệ số Alpha toàn thang đo sẽ bị loại khỏi phân tích tiếp theo.

Bước 2: Phân tích tương quan Pearson nhằm xác định mức độ liên hệ tuyến tính giữa các nhóm biến chính, đặc biệt là giữa PA và HQ, ND và HQ.

Bước 3: Phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến để xác định mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập (PA và ND) đến biến phụ thuộc (HQ - hiệu quả thuyết trình).

Trong nghiên cứu này, mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng với biến phụ thuộc là hiệu quả thuyết trình (HQ) và hai biến độc lập là phát âm (PA) và ngữ điệu (ND). Mô hình được xây dựng dựa trên nguyên tắc bình phương tối thiểu, tuân thủ các giả định cơ bản của hồi quy: tuyến tính, độc lập sai số, phương sai không đổi, phân phối chuẩn của phần dư và không có đa cộng tuyến. Các kiểm định (Cronbach's Alpha, Pearson, VIF, Durbin-Watson, Shapiro-Wilk) đều cho kết quả phù hợp, đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lệ của mô hình (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

## **4. Kết quả khảo sát**

Khảo sát được thực hiện với 120 sinh viên đến từ nhiều ngành đào tạo khác nhau tại Trường Đại học Thái Bình Dương, trải đều từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Mục tiêu là đo lường mức độ nhận thức, hành vi thực hành và cảm nhận của sinh viên về tác động của việc phát âm và sử dụng ngữ điệu - đến hiệu quả thuyết trình học thuật.

### **4.1. Thống kê mô tả**

Kết quả thống kê mô tả cho thấy các sinh viên có mức độ đồng thuận khá cao đối với các phát biểu khảo sát liên quan đến việc phát âm, sử dụng ngữ điệu và hiệu quả thuyết trình. Các giá trị trung bình của từng biến đều dao động từ 3.65 đến 4.35 trên thang đo Likert 5 mức độ. Điều này phản ánh thái độ tích cực và tương đối nhất quán trong nhận thức của sinh viên về vai trò của phát âm và ngữ điệu. Độ lệch chuẩn của các biến ở mức vừa phải (0.70 - 1.08), cho thấy mức độ phân tán hợp lý trong phản hồi của người tham gia khảo sát (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Ngoài ra, thống kê theo nhóm thang đo cho thấy: PA = 3,94 (SD = 0,89), ND = 4,03 (SD = 0,86), HQ = 4,15 (SD = 0,83), phản ánh mức đồng thuận cao và khá ổn định giữa người trả lời (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Đồng thời, ma trận tương quan Pearson giữa các chỉ số tổng hợp PA, ND và HQ cho thấy các tương quan dương, có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ), củng cố giả định về mối quan hệ tuyến tính trước khi tiến hành hồi quy (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

**Bảng 1. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến khảo sát theo thang đo Likert**

Mã câu	Nội dung câu hỏi	Trung bình	Độ lệch chuẩn
PA1	Phát âm chuẩn giúp người nghe hiểu bài tốt hơn	4,24	0,87
PA2	Tôi thường luyện tập phát âm trước khi thuyết trình	3,87	0,92
PA3	Phát âm rõ ràng giúp tôi tự tin hơn khi trình bày	4,01	0,85
PA4	Người khác phát âm sai khiến tôi khó theo dõi	3,65	1,08
ND1	Ngữ điệu linh hoạt giúp bài thuyết trình hấp dẫn hơn	4,30	0,70
ND2	Tôi chú ý sử dụng ngữ điệu phù hợp khi thuyết trình	3,89	0,91
ND3	Ngữ điệu giúp tôi thể hiện cảm xúc, ý tưởng rõ hơn	4,10	0,83
ND4	Ngữ điệu đơn điệu khiến tôi mất tập trung	3,82	1,01
HQ1	Tôi tự tin hơn khi phát âm và dùng ngữ điệu đúng	4,35	0,80
HQ2	Người nghe hiểu rõ hơn nhờ cách phát âm của tôi	4,16	0,76
HQ3	Tôi nhận được phản hồi tích cực khi nói rõ, có ngữ điệu	4,09	0,79
HQ4	Tôi muốn học thêm kỹ năng phát âm và ngữ điệu	3,96	0,93

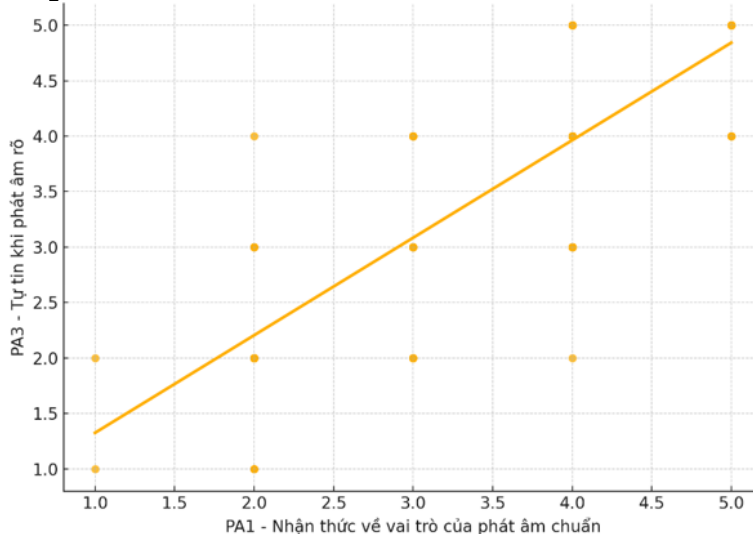
(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

#### 4.2. Phân tích hồi quy

Để kiểm định mối quan hệ giữa phát âm (PA), ngữ điệu (ND) và hiệu quả thuyết trình (HQ), nghiên cứu tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính với các mô hình đơn và mô hình gộp.

##### 4.2.1. Quan hệ giữa nhận thức về phát âm và sự tự tin (PA1 → PA3)

Phân tích hồi quy tuyến tính giữa PA1 (nhận thức về tầm quan trọng của phát âm chuẩn) và PA3 (sự tự tin khi phát âm rõ ràng) cho thấy mối quan hệ tích cực rõ rệt với  $\beta = 0,62$ ,  $p < 0,001$ .  $R^2 = 0,384$  cho thấy PA1 giải thích được 38,4% mức độ thay đổi của PA3. Ước lượng đi kèm khoảng tin cậy 95% cho thấy cỡ hiệu ứng ở mức trung bình-khá, khẳng định tính ổn định của kết quả (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).



**Hình 1. Biểu đồ hồi quy tuyến tính PA1 - PA3**

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

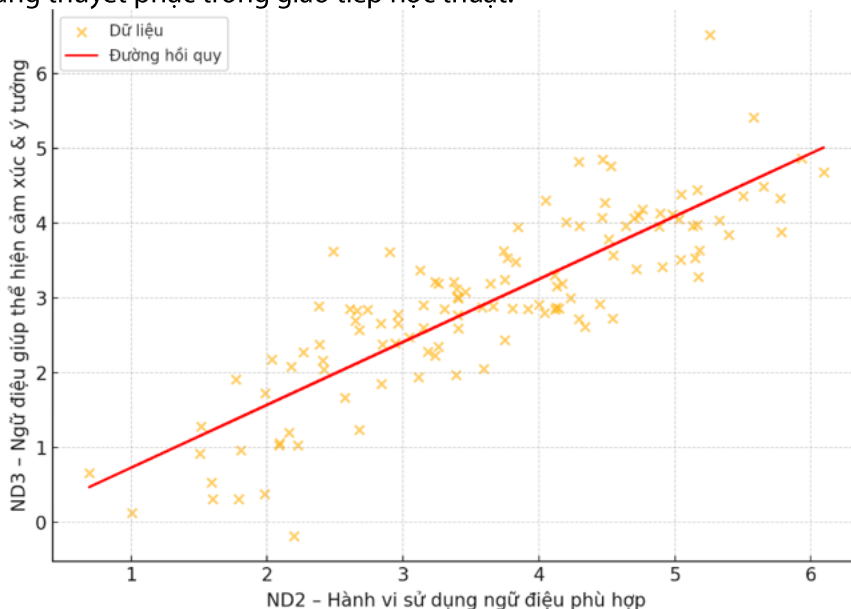
Hình 1 minh họa đường hồi quy tuyến tính giữa hai biến. Dễ thấy rằng đường xu hướng có độ dốc cao và đi qua phần lớn các điểm dữ liệu, thể hiện mối quan hệ đồng biến mạnh mẽ. Nghĩa

là khi sinh viên đánh giá cao vai trò của phát âm chuẩn, họ có xu hướng cảm thấy tự tin hơn trong quá trình trình bày. Đây là bằng chứng thực nghiệm khẳng định vai trò của phát âm chuẩn không chỉ trong kỹ năng ngôn ngữ mà còn trong yếu tố tâm lý thuyết trình.

4.2.2. *Mối quan hệ giữa hành vi sử dụng ngữ điệu và khả năng biểu đạt (ND2 → ND3)*

Phân tích hồi quy giữa ND2 (hành vi chú ý sử dụng ngữ điệu phù hợp) và ND3 (khả năng thể hiện cảm xúc và ý tưởng) cho kết quả  $\beta = 0,57, p < 0,001, R^2 = 0,324$ . Ước lượng kèm khoảng tin cậy 95% cho thấy cỡ hiệu ứng trung bình-khá, hàm ý việc chủ động điều tiết ngữ điệu gắn với khả năng biểu đạt rõ ràng, giàu sức thuyết phục hơn (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Hình 2 thể hiện phân bố dữ liệu với các điểm chấm vàng và đường hồi quy màu đỏ. Đường hồi quy có xu hướng đi lên đều, cho thấy mối quan hệ tuyến tính tích cực. Đặc biệt, mặc dù dữ liệu có sự phân tán, nhưng xu hướng chung vẫn khá rõ rệt. Điều này nhấn mạnh vai trò của ngữ điệu như một công cụ ngữ dụng quan trọng, không chỉ hỗ trợ diễn đạt nội dung mà còn tăng cường khả năng thuyết phục trong giao tiếp học thuật.



**Hình 2. Biểu đồ hồi quy tuyến tính ND2 - ND3**

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát).

Kiểm tra độ ổn định bằng mô hình gộp  $HQ = \alpha + \beta_1 PA + \beta_2 ND + \epsilon$  cho thấy PA và ND đều có hệ số dương, có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ),  $R^2$  tăng so với hồi quy đơn;  $VIF \leq 2$  cho thấy không có đa cộng tuyến đáng kể (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

4.2.3. *Mô hình hồi quy gộp (PA, ND → HQ)*

Khi kết hợp cả hai biến độc lập (PA và ND) để dự đoán HQ, mô hình hồi quy cho thấy cả hai yếu tố đều có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả thuyết trình ( $p < 0,001$ ). Hệ số xác định  $R^2 = 0,421$ , chứng tỏ mô hình giải thích được 42.1% sự biến thiên của HQ. Các chỉ số  $VIF < 2$  và Durbin-Watson = 1.89 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến và sai số độc lập, đảm bảo tính tin cậy của mô hình (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

**4.3. Một số kết luận**

Từ các kết quả phân tích có thể rút ra ba kết luận chính:

Thứ nhất, các biến khảo sát thuộc nhóm phát âm và sử dụng ngữ điệu đều có giá trị trung bình cao, phản ánh nhận thức tích cực và hành vi khá nhất quán của sinh viên về tầm quan trọng của hai yếu tố này trong thuyết trình học thuật (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Thứ hai, hai mô hình hồi quy  $PA1 \rightarrow PA3$  và  $ND2 \rightarrow ND3$  đều cho thấy mối quan hệ tuyến tính mạnh, khẳng định vai trò trung gian của phát âm và sử dụng ngữ điệu trong việc xây dựng sự tự tin và năng lực biểu đạt học thuật (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Thứ ba, việc đầu tư rèn luyện phát âm và ngữ điệu không chỉ giúp cải thiện hiệu quả truyền đạt mà còn nâng cao phong thái chuyên nghiệp và khả năng tương tác với người nghe - những

năng lực then chốt trong môi trường đại học định hướng học thuật và phản biện (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

### **5. Thảo luận**

Kết quả khảo sát và phân tích hồi quy tuyến tính trong nghiên cứu cho thấy rằng phát âm và sử dụng ngữ điệu không chỉ là các yếu tố kỹ thuật trong giao tiếp, mà còn giữ vai trò trung gian quan trọng trong việc hình thành sự tự tin, khả năng biểu đạt và mức độ hiệu quả của bài thuyết trình học thuật (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Ba phát hiện chính được rút ra từ kết quả nghiên cứu:

#### **5.1. Nhận thức đúng về phát âm làm tăng sự tự tin khi trình bày**

Mô hình hồi quy PA1 → PA3 cho thấy mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa nhận thức về tầm quan trọng của phát âm chuẩn và mức độ tự tin khi trình bày ( $\beta = 0.62$ ;  $p < 0.001$ ) (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với kết luận của Carnegie (2003, tr. 15), theo đó “giọng nói rõ ràng là yếu tố quyết định khả năng truyền tải thông điệp hiệu quả”. Đặc biệt, phát hiện này cho thấy nhận thức về phát âm không chỉ ảnh hưởng đến mặt kỹ thuật của lời nói mà còn tác động đến trạng thái tâm lý của người nói - một yếu tố quan trọng trong kỹ năng thuyết trình.

Khác với các nghiên cứu trước thường tập trung phân tích vào yếu tố nội dung hoặc tâm lý nói chung, nghiên cứu này cho thấy rõ mối liên hệ giữa nhận thức ngôn ngữ và sự tự tin - một hướng tiếp cận thiết thực trong việc giảng dạy kỹ năng thuyết trình.

#### **5.2. Ngữ điệu góp phần tăng khả năng biểu đạt và truyền cảm**

Mô hình ND2 → ND3 ( $\beta = 0.57$ ;  $p < 0.001$ ) cho thấy hành vi sử dụng ngữ điệu linh hoạt có tác động rõ rệt đến khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng của sinh viên (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Thu Hà (2018, tr. 97-98) khi cho rằng, ngữ điệu không chỉ giúp điều tiết thông tin mà còn tăng cường khả năng truyền cảm và duy trì sự chú ý của người nghe.

Điểm khác biệt của nghiên cứu này với các nghiên cứu khác nằm ở chỗ lần đầu tiên, mối quan hệ giữa ngữ điệu và biểu đạt được kiểm định thực nghiệm trên mẫu sinh viên bản ngữ trong bối cảnh học thuật - một nhóm đối tượng ít được nghiên cứu trong các công trình trước đây.

#### **5.3. Chuỗi liên kết ba chiều: Nhận thức - Hành vi - Hiệu quả**

Từ hai mô hình hồi quy PA1 → PA3 và ND2 → ND3, có thể nhận diện một chuỗi tác động gồm ba bước quan trọng: nhận thức đúng → hành vi phù hợp → hiệu quả truyền đạt (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Đây là phát hiện mang tính ứng dụng cao, bởi nó chỉ ra rằng, nếu được đào tạo bài bản cả về nhận thức lẫn hành vi ngôn ngữ, sinh viên hoàn toàn có thể cải thiện đáng kể chất lượng thuyết trình.

Kết quả thống kê mô tả cũng hỗ trợ cho lập luận này, khi các biến HQ2 và HQ3 đều có giá trị trung bình cao, cho thấy sinh viên không chỉ tự đánh giá tốt hơn về khả năng của mình mà còn nhận thức rõ hơn về trải nghiệm tiếp nhận của người nghe (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Phát hiện này mở đường cho việc thiết kế chương trình giảng dạy kỹ năng trình bày học thuật một cách có hệ thống, dựa trên nguyên tắc “tăng nhận thức - điều chỉnh hành vi - cải thiện hiệu quả”.

Kết quả hồi quy PA1 → PA3 cho thấy nhận thức về tầm quan trọng của phát âm chuẩn có tác động mạnh mẽ đến sự tự tin khi thuyết trình ( $\beta = 0.62$ ) (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Điều này phù hợp với kết quả của Carnegie (2003, tr. 16), nhưng khác biệt ở chỗ nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trên sinh viên bản ngữ, cho thấy rằng ngay cả với người bản địa nói tiếng Việt, việc nâng cao nhận thức về phát âm vẫn là yếu tố then chốt để xây dựng phong thái tự tin.

Tương tự, mô hình ND2 → ND3 cũng cho thấy việc sử dụng ngữ điệu linh hoạt giúp sinh viên biểu đạt cảm xúc và ý tưởng rõ ràng hơn ( $\beta = 0.57$ ) (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025). Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Thu Hà (2018, tr. 97-98) về vai trò của ngữ điệu trong việc điều tiết thông tin và duy trì sự chú ý của người nghe. Điểm khác biệt của nghiên cứu này với các nghiên cứu khác là, Phạm Thị Thu Hà (2018, tr. 96-101) nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt ở nước ngoài trong khi nghiên cứu này lần đầu tiên kiểm định mối quan hệ giữa việc sử dụng ngữ điệu với hiệu quả của việc thuyết trình học thuật của sinh viên đại học ở Việt Nam.

## 6. Kết luận và kiến nghị

### 6.1. Kết luận

Nghiên cứu đã đưa ra các bằng chứng thực nghiệm cho thấy phát âm và sử dụng ngữ điệu là hai yếu tố ngôn ngữ học thiết yếu, có vai trò chiến lược trong việc nâng cao hiệu quả thuyết trình học thuật của sinh viên. Cụ thể:

Phát âm chuẩn không chỉ giúp đảm bảo tính chính xác và dễ hiểu cho nội dung thuyết trình, mà còn làm tăng mức độ tự tin và chuyên nghiệp của người trình bày (Nguyễn Đăng Liêm, 1970, tr. 25).

Sử dụng ngữ điệu linh hoạt hỗ trợ khả năng biểu đạt cảm xúc, tạo điểm nhấn thông tin và giúp duy trì sự chú ý của người nghe trong suốt bài nói (Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2010, tr. 7; Phạm Thị Thu Hà, 2018, tr. 98).

Hai mô hình hồi quy PA1 → PA3 và ND2 → ND3 xác lập rõ ràng mối liên hệ giữa nhận thức - hành vi - hiệu quả, từ đó cho thấy tầm quan trọng của việc đưa kỹ năng rèn luyện giọng nói vào đào tạo chính quy (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

Tuy nhiên, mức độ thực hành phát âm và điều tiết ngữ điệu ở sinh viên vẫn còn hạn chế (PA2 và ND2 chỉ đạt mức trung bình khoảng 3.87-3.89). Điều này phản ánh thực trạng của chương trình giáo dục đại học hiện nay: chưa có các chương trình đào tạo bài bản về kỹ năng rèn luyện giọng nói trong việc trình bày học thuật (Dữ liệu khảo sát của tác giả, 2025).

### 6.2. Kiến nghị

#### 6.2.1. Đối với nhà trường

Tích hợp nội dung rèn luyện kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu vào các học phần kỹ năng mềm, học phần ngôn ngữ hoặc giáo dục đại cương có liên quan đến thuyết trình và giao tiếp học thuật.

Xây dựng các mô-đun chuyên đề hoặc workshop rèn luyện kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu, có sự phối hợp giữa giảng viên ngôn ngữ học ứng dụng và chuyên gia thuyết trình.

Khuyến khích các khoa tổ chức hoạt động học thuật như hội thảo sinh viên, talkshow, tranh biện có tiêu chí đánh giá cụ thể về kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu và phong cách thuyết trình.

#### 6.2.2. Đối với giảng viên

Thiết kế hoạt động học tập giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu như: đóng vai, phản biện, mô phỏng tình huống giao tiếp học thuật.

Lồng ghép các tiêu chí đánh giá về kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu vào rubric chấm điểm thuyết trình để sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của yếu tố này trong học tập và thi cử.

Sử dụng phản hồi video/audio để giúp sinh viên nhận diện và điều chỉnh lỗi phát âm, sử dụng ngữ điệu chưa phù hợp.

#### 6.2.3. Đối với sinh viên

Chủ động rèn luyện kỹ năng phát âm và sử dụng ngữ điệu trong môi trường học thuật lẫn giao tiếp hàng ngày. Có thể luyện tập hai kỹ năng này thông qua việc ghi âm, ghi hình bài nói và tự phân tích điểm mạnh - điểm yếu.

Tham gia câu lạc bộ thuyết trình, tranh biện, dẫn chương trình... để có môi trường thực hành phong phú và nhận phản hồi thực tế.

Tận dụng công cụ công nghệ khoa học kỹ thuật như ứng dụng chỉnh sửa giọng nói, phần mềm luyện phát âm, sử dụng ngữ điệu để cải thiện việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày học thuật một cách khoa học và bài bản.

### Tài liệu tham khảo

- Carnegie, D. (2003). *The quick and easy way to effective speaking*. New York: Pocket Books.
- Hirst, D., & Di Cristo, A. (1998). *A survey of intonation systems*. In D. Hirst & A. Di Cristo (Eds.), *Intonation systems: A survey of twenty languages* (pp. 1-44). Cambridge: Cambridge University Press.
- Nguyễn Đăng Liêm. (1970). *Vietnamese pronunciation*. Honolulu: University of Hawaii Press.
- Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2010). *Ngữ điệu và trọng âm trong việc đánh dấu tiêu điểm và cấu trúc tiêu điểm*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 20, 5-17.
- Phạm Thị Thu Hà. (2018). *Thực trạng nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt ở nước ngoài*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 15(8), 96-101.